

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH BỔ SUNG KIẾN THỨC
DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026**

((Kèm theo Quyết định số 4404 - QĐ/HVCTQG ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh))

TT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi kết thúc học phần		
I. Lớp bổ sung kiến thức ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước					Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng	Lý luận về nhà nước và xây dựng chính quyền nhà nước	Xây dựng Đảng và chính trị, tư tưởng, đạo đức tổ chức và cán bộ
1	BSKT2601	Mai Thùy Dung	28/11/2003	Hà Nội	8.0	7.5	8.0
2	BSKT2602	Triệu Minh Hương	10/06/2001	Thái Nguyên	8.0	8.0	8.0
3	BSKT2603	Vũ Thị Huyền Trang	30/09/1991	Phú Thọ	8.0	7.5	7.5
4	BSKT2604	Nguyễn Thị Ngân	15/04/1987	Phú Thọ	8.0	8.0	8.0
5	BSKT2605	Nguyễn Hồng Tươi	26/12/1989	Phú Thọ	8.0	7.5	8.0
6	BSKT2606	Trần Thị Linh	26/11/1998	Hà Nội	7.5	8.0	8.0
7	BSKT2607	Nguyễn Đức Thịnh	10/07/1993	Ninh Bình	7.5	7.5	7.5
8	BSKT2608	Ngô Thị Hoa	25/06/1989	Ninh Bình	7.5	8.0	8.0
9	BSKT2611	Hà Quang Dũng	10/07/2003	Hà Nội	8.0	7.5	7.5
10	BSKT2612	Hoàng Văn Cường	01/04/1982	Quảng Trị	7.5	7.5	
11	BSKT2613	Đinh Thị Thúy	22/09/1990	Hà Nội	8.0	8.0	8.0
12	BSKT2614	Phan Anh	05/07/2000	Bắc Ninh	7.5	8.0	7.5
13	BSKT2615	Nguyễn Thị Dung	07/10/1983	Hà Nội	8.0	8.0	7.5

14	BSKT2680	Vongphachan SEESOULAD	06/05/1992	CHDCND Lào	7.5	7.5	7.5
15	BSKT2679	Noutsala DALANIKONE	10/05/1988	CHDCND Lào	7.5	7.0	
16	BSKT2641	Lê Thị Hồng Châu Long	20/11/1989	Đồng Tháp	7.0	7.0	6.5
17	BSKT2642	Huỳnh Thị Liên	12/11/1993	Đồng Tháp	7.0	7.0	7.0
18	BSKT2643	Nguyễn Công Hiệp	31/07/1991	Đồng Tháp	7.5	7.0	7.0
19	BSKT2644	Lý Văn Thông	01/01/1986	Cần Thơ	6.5	7.5	7.0
20	BSKT2645	Thái Thái Ngọc	14/01/1989	Cần Thơ	7.0	7.5	
21	BSKT2646	Huỳnh Tấn Tài	17/03/1988	Đồng Tháp	7.0	7.0	
22	BSKT2647	Nguyễn Hiếu Thuận	08/03/1997	Đồng Tháp	7.0	7.0	7.0
23	BSKT2648	Phạm Thiệt Khả	01/01/1986	Đồng Tháp	7.5	7.0	7.0
24	BSKT2649	Bùi Hải Vân	09/10/1995	Cần Thơ	7.0	7.0	6.5
25	BSKT2650	Trần Thị Diễm	01/01/1983	Đồng Tháp	8.0	7.5	7.0
26	BSKT2651	Đỗ Thủy Tiên	12/01/1977	An Giang	7.0	7.0	6.5
27	BSKT2652	Nguyễn Quốc Trung	31/10/1986	Đồng Tháp	7.0	7.0	7.0
28	BSKT2655	Đặng Hoàng Em	20/04/1980	An Giang	6.0	7.5	6.5
29	BSKT2656	Nguyễn Thị Hạnh	09/08/1982	Cần Thơ	7.5	7.5	7.0
30	BSKT2657	Hà Phú Quý	08/05/1988	Cà Mau	7.5	7.0	7.0
31	BSKT2658	Lê Văn Toàn	02/03/1985	Đồng Tháp	7.5	7.5	
32	BSKT2659	Nguyễn Hoàng Thanh Thúy	03/12/1986	Cần Thơ	7.5	7.0	
33	BSKT2660	Bùi Trí Phương Vy	05/06/1997	Cần Thơ	7.0	7.0	7.0
34	BSKT2661	Nguyễn Thị Kim Xuyên	30/11/1987	Cần Thơ	7.5	7.0	7.0
35	BSKT2662	Phạm Thi Rô Sa	20/08/1988	Cần Thơ	7.0	7.5	7.0
36	BSKT2663	Trần Thị Ngọc Y	09/04/1987	Cần Thơ	7.0	7.0	7.0

II. Lớp bổ sung kiến thức ngành: Pháp luật về quyền con người					Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Luật hiến pháp Việt Nam	Luật hình Sự và tổ tụng hình sự	Công pháp quốc tế
1	BSKT2664	Lê Đình Phú	28/5/2000	Tây Ninh	8.0	8.5	8.5	8.0
2	BSKT2685	Trần Thanh Hiền	01/01/2003	Cà Mau	8.0	8.0	8.0	7.5
3	BSKT2684	Phạm Đình Hiệp	26/6/1992	Bắc Ninh	8.5	8.5	8.0	8.0
III. Lớp bổ sung kiến thức ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật					Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	Lý luận về nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa		
1	BSKT2616	Hà Ngọc Mai	04/9/1999		8.5	8.0		
IV. Lớp bổ sung kiến thức ngành: Quản lý kinh tế					Khoa học quản lý	Quản lý nhà nước về kinh tế	Kinh tế lượng	
1	BSKT2621	Nguyễn Ngọc Anh	28/07/1996	Phú Thọ	8.5	7.5	7.5	
2	BSKT2622	Nguyễn Phương Thảo	11/09/1999	Hà Nội	7.5	7.0	7.0	
3	BSKT2623	Đỗ Thị Tân Thủy	21/08/1980	Phú Thọ	8.5	7.0	7.0	
4	BSKT2624	Nguyễn Khánh Trang	22/12/1991	Quảng Trị	8.5	7.0	7.0	
5	BSKT2625	Lê Huỳnh Hà Minh	29/08/2003	Quảng Ngãi	8.0	7.0	7.0	
6	BSKT2626	Trịnh Thị Trang	02/01/1990	Ninh Bình	8.0	7.0		
7	BSKT2627	Hoàng Thị Thu	22/05/1991	Ninh Bình	7.5	7.5	7.0	
8	BSKT2628	Nguyễn Linh Nga	09/02/1984	Phú Thọ	8.5	8.0	7.0	
9	BSKT2629	Trịnh Thị Thảo	12/06/1986	Thanh Hóa	8.0	7.0	7.0	
10	BSKT2630	Phạm Hồng Đức	31/03/1981	Hưng Yên	7.5	7.0	8.0	
11	BSKT2631	Chu Vũ Tấn Dũng	12/02/1997	Hà Nội	7.0	6.0		
12	BSKT2632	Trương Công Vũ	14/11/2000	Ninh Bình	6.5	6.5	7.5	
13	BSKT2633	Tạ Ngọc Mai	02/11/2003	Bắc Ninh	7.0	6.5	7.5	

V. Lớp bổ sung kiến thức ngành: Quản lý nhà nước					Lý luận về quản lý nhà nước	Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (Phần I)	Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (Phần I và Phần II)	Khoa học quản lý
1	BSKT2634	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	05/12/2002	Quảng Ninh	7.0	7.5	7.5	7.5
2	BSKT2635	Nguyễn Minh Tâm	18/9/2000	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0	7.5
3	BSKT2636	Nguyễn Thị Duyên	05/9/1997	Phú Thọ	7.0	7.0	7.5	7.0
VI. Lớp bổ sung kiến thức ngành: Quản lý văn hóa					Lý luận văn hóa Mác - Lênin	Quản lý văn hóa	Giao lưu văn hóa	
1	BSKT2617	Nguyễn Ngọc Anh	25/12/1998	Hà Nội	6.5	7.5	7.5	
2	BSKT2618	Nguyễn Thị Lan Anh	16/08/2002	Hưng Yên	7.5	8.0		
3	BSKT2619	Nguyễn Thị Thanh Huyền	21/06/1979	Thái Bình	7.0	8.0		
4	BSKT2620	Nguyễn Ngọc Tường Linh	19/09/1998	Hà Nội	7.0	7.5	7.5	
5	BSKT2686	Nguyễn Hữu Minh	13/7/1999	Hà Nội	7.0	7.5	7.5	
VII. Lớp bổ sung kiến thức ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Phương pháp luận lịch sử	Lịch sử Việt Nam	
1	BSKT2637	Nguyễn Đỗ Đăng Khoa	05/5/2002	Tây Ninh	8.0	8.5	8.0	
2	BSKT2638	Đoàn Văn Chính	01/01/2004	Thanh Hóa	8.0	8.5	8.0	
3	BSKT2639	Nguyễn Việt Anh	30/10/2003	Tuyên Quang	8.0	8.0	8.0	
4	BSKT2640	Ngô Văn Lưu	21/11/2004	Thanh Hóa	8.0	8.0	8.0	

VIII. Lớp bổ sung kiến thức ngành: Chính trị học					Lịch sử tư tưởng chính trị	Chính trị học Việt Nam	Quyền lực chính trị	Thế chế chính trị thế giới đương đại
1	BSKT2681	Phan Thu Giang	28/09/2004	Hà Nội	8.5	8.0	8.5	8.0
2	BSKT2682	Bùi Hà Phương Linh	05/10/2003	Hà Nội	8.5	8.0	8.5	8.5
3	BSKT2683	Banxa CHANTHAVONG	12/9/1996	CHDCND Lào	8.0	7.5		

